

THE MORNING NEWS

BẢN TIN SÁNG 10/11/2023

ĐÀ TĂNG CHỨNG LẠI

Quốc tế

- Phố Wall ghi nhận diễn biến giảm điểm trong phiên giao dịch ngày 9/11. Chỉ số Dow Jones giảm 220,33 điểm (-0,65%), chỉ số NASDAQ giảm 128,97 điểm (-0,94%) và chỉ số S&P 500 giảm 35,43 điểm (-0,81%). Chứng khoán Mỹ giảm điểm do đà tăng nhảy vọt của lợi suất trái phiếu đã khiến nhà đầu tư lo lắng.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến tăng điểm trong ngày giao dịch 9/11. Chỉ số FTSE 100 (Anh) tăng 53,95 điểm (+0,73%), CAC 40 (Pháp) tăng 78,30 điểm (+1,11%). Thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á ghi nhận diễn biến trái chiều trong phiên giao dịch 9/11.
- Giá dầu WTI tăng 0,54% và dầu Brent tăng 0,59% trong phiên giao dịch ngày 9/11. Bên cạnh đó, giá Vàng cũng ghi nhận diễn biến tăng.
- Giá thép HRC Mỹ tăng mạnh do nguồn cung thắt chặt do tình trạng các nhà máy thép tạm ngừng hoạt động để bảo trì khiến công suất thép thô giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 1.
- CPI của Trung Quốc tháng 10 giảm 0,2% so với cùng kỳ. Tình trạng này cho thấy quốc gia tỷ dân đang gặp khó khăn trong việc thúc đẩy tăng trưởng thông qua nhu cầu nội địa.

Nhận định thị trường

- Đóng cửa ngày 9/11, Vnindex tăng 0,46 điểm, đóng cửa tại 1.113,89 điểm, khối lượng giao dịch đạt hơn 1.052 nghìn đơn vị, tương ứng 21.990 tỷ đồng. Trong ngắn hạn, chỉ số VN-Index ghi nhận duy trì diễn biến cải thiện khả quan trong bối cảnh chỉ số kết phiên giao dịch đã vượt qua ngưỡng kháng cự ngắn hạn **1.094 – 1.095** điểm cùng với thanh khoản cải thiện tốt khi tăng khoảng **40%** so với trung bình 10 phiên giao dịch gần nhất cho thấy dòng tiền đang tham gia tốt hơn vào thị trường. Tuy nhiên, thị trường nhìn chung có dấu hiệu chốt lời ngắn hạn vào cuối phiên giao dịch, khi các cổ phiếu đa số đóng cửa ở giá thấp nhất phiên.
- Chiến lược giao dịch:** NĐT được khuyến nghị chuẩn bị gia tăng tỷ trọng cp/tiền mặt từ **50/50** lên **70/30** khi thị trường có điều chỉnh nhẹ trong các phiên tới để kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn **1.094 – 1.095** điểm mới được hình thành thành công, với kỳ vọng hướng về vùng kháng cự **1.13x – 1.150** điểm. NĐT được khuyến nghị chốt lời ngắn hạn với nhóm cổ phiếu đã có nhịp hồi phục mạnh trong nhịp này, và canh mua lại khi có vùng giá hợp lý theo khuyến nghị, tránh mua đuổi FOMO. Nhóm các cổ phiếu chờ mua: Chứng khoán (**VND VCI**), Xây dựng và nguyên vật liệu (**HSG HPG PC1 HUT CII VCG**), Bất động sản (**PDR CEO**). NĐT lưu ý theo dõi và bám sát các khuyến nghị của chúng tôi.

Trong nước

- Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị 806,59 tỷ, tập trung ở các cổ phiếu VHM, FUSSVFL, VCB.
- Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2023 được Quốc hội giao cho Chính phủ là 6-6.5%, lạm phát 4-4.5%.

Doanh nghiệp

-  DXS: Tăng kịch trần 2 phiên liên tiếp ngay trước khi gần 121 triệu cổ phiếu được niêm yết bổ sung
-  BCM: Trong 9 tháng đầu năm 2023, Becamex IDC (BCM) âm dòng tiền từ hoạt động kinh doanh 2.213 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cũng sụt giảm tới 85%.
-  BHN: Habeco chốt ngày trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 12%, Bộ Công Thương sắp nhận trên 200 tỷ
-  PVS: Cựu Chủ tịch HĐQT Đạm Phú Mỹ quay về làm Phó tổng giám đốc PVS
-  HTG: Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ có tổng giá trị chứng khoán niêm yết là 360 tỷ đồng và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 31.900 đồng/cổ phiếu
-  HDC: Hodeco đã chi 81 tỷ đồng để mua thỏa thuận 4,87 triệu cổ phiếu HUB từ bà Nguyễn Thị Phương Hoa, qua đó tỷ lệ sở hữu của cả nhóm tăng lên 41,22%
-  PTB: Công ty Cổ phần Phú Tài thông báo về việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Xí nghiệp Khai thác đá tại Đắk Nông
-  NVL: Công ty TNHH No Va Thảo Điền - công ty con của Novaland sở hữu 99.9% vốn, cho biết đã lỗ gần 164 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023, trong khi cùng kỳ lỗ gần 34 tỷ
-  NCT: HĐQT CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài vừa thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, chốt quyền vào ngày 22/11
-  POM: Em gái Chủ tịch quyết tâm bán toàn bộ gần 6,6 triệu cổ phiếu

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	9/11/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD	% Năm
VN INDEX	1113,89	0,04%	3,57%	-2,61%	10,60%	17,59%
HNX30 INDEX	480,09	0,32%	7,38%	-1,94%	45,00%	56,23%
VN30 INDEX	1122,95	-0,62%	3,26%	-3,22%	11,72%	19,87%
S&P 500	4347,35	-0,81%	0,68%	0,27%	13,23%	15,97%
Dow Jones	33891,94	-0,65%	0,16%	0,85%	2,25%	4,24%
Nasdaq	13521,45	-0,94%	1,71%	0,28%	29,19%	30,60%
Shanghai Composite	3053,279	0,03%	0,74%	-0,71%	-1,16%	0,56%
Nikkei 225	32318,05	-1,01%	1,15%	1,80%	23,85%	17,75%
Thailand SET	1404,97	-0,48%	0,07%	-2,06%	-15,80%	-13,23%
Malaysia	1450,16	-0,15%	0,02%	1,04%	-3,03%	0,03%
Philippine	6188,22	0,54%	3,59%	-1,21%	-5,76%	0,33%
Indonesia JCI	6838,233	0,50%	1,29%	-1,21%	-0,18%	-1,85%
FTSE 100	7455,67	0,73%	0,12%	-2,26%	0,05%	1,09%
DAX	15352,54	0,81%	1,38%	-0,46%	10,26%	8,53%
CAC 40	7113,66	1,13%	0,75%	-0,68%	9,88%	8,49%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ DXY VÀ SỰ TƯƠNG QUAN VỚI DOW JONES



Nguồn: TradingView, VietinBank Securities

BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU MỸ 10 NĂM VÀ SỰ TƯƠNG QUAN VỚI DOW JONES



CẬP NHẬT GIAO DỊCH QUỸ ETF

Name	1D Flow	1W Flow	1M Flow	YTD Flow	1Y Flow	3Y Flow
Median	0	0	0	-0,12	1,84	1,91
Fubon FTSE Vietnam ETF	0	17,7	72,77	67,76	245,43	788,3
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	0	0	2,66	-23,85	59,17	-62,88
Premia MSCI Vietnam ETF	0	0	0	-0,59	-2,09	-1,76
CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	0	0	0	-2,38	-2,38	-2,38
KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	0	0	0	-0,41	0,12	-8,34
Premia MSCI Vietnam ETF	0	0	0	-0,59	-2,09	-1,76
Asian Growth CUBS ETF	0	7,68	-2,33	-49,42	-35,18	-143,11
DCVFMVN30 ETF Fund	0	0	1,77	2,86	2,86	2,86
DCVFMVN Mid Cap ETF	0	0	0	0	0	0
KIM Growth VN30 ETF	0	0	0,31	7,11	9,86	24,15
KIM Growth VNFINSELECT ETF	0	0	0	8,75	8,75	8,75
SSIAM VN30 ETF	0	0,06	0,86	1,84	1,84	1,91
SSIAM VNX50 ETF	0	0	0,19	-0,12	-3,9	-1,52
SSIAM VNFIN LEAD ETF	1,21	2,08	-5,53	-27,52	-13,29	45,31
DCVFMVN Diamond ETF	0	0	-24,55	-92,69	10,85	362,54
Global X MSCI Vietnam ETF	0	0	0	6,12	7,35	11,2
VanEck Vietnam ETF	0	0	-2,36	-2,36	-2,36	-2,36

TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
VSC	26.750	3.131.030	7,00%
SVC	34.400	100	7,00%
TDW	49.900	100	6,97%
CLW	30.000	100	6,95%
PDR	25.450	31.321.500	6,93%
TIX	35.500	200	6,93%
RDP	10.050	2.938.500	6,91%
DRH	4.960	4.367.300	6,90%
BAF	25.650	7.650.200	6,88%
DXS	7.010	3.264.400	6,86%

HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
VBC	19.900	100	9,94%
HTC	22.200	340	9,90%
BTW	33.600	100	9,80%
PDB	10.200	55.400	9,68%
PGT	3.400	31.873	9,68%
INC	17.300	1	9,49%
MKV	10.600	15.200	9,28%
BKC	7.400	100	8,82%
TTT	33.800	101	8,68%
GLT	20.500	200	8,47%

HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
FIR	21.700	1.190.800	-6,87%
LGC	49.300	100	-6,81%
MDG	13.700	10.900	-6,80%
SSC	28.000	1.700	-6,67%
DXV	3.720	5.600	-6,30%
PIT	7.500	18.900	-6,25%
VDP	35.600	200	-6,19%
NNC	19.300	26.600	-4,46%
HU1	6.250	200	-4,43%
PNC	8.900	3.200	-4,30%

HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
VLA	21.600	3.200	-10,00%
VCM	16.400	2.700	-9,89%
SDG	24.800	100	-9,82%
TJC	13.900	200	-9,74%
MAS	27.200	325	-9,33%
PJC	20.500	100	-8,89%
X20	8.200	11.001	-7,87%
CMS	20.300	691.548	-7,73%
CMC	6.200	300	-7,46%
VC1	8.100	100	-6,90%

GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	DGC	71.690	VHM	286.233
2	KBC	45.471	FUESSVFL	185.343
3	NKG	43.960	VCB	142.879
4	HPG	32.751	VNM	102.100
5	CTG	29.540	MWG	54.009
6	HDB	18.580	BCM	49.791
7	PC1	15.449	VCI	37.674
8	NLG	14.738	MSN	37.509
9	STB	14.130	HCM	32.900
10	FUEVFNDD	11.047	SAB	31.094

HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	IDC	18.427	SHS	17.915
2	CEO	3.096	PVS	5.021
3	HUT	2.151	TIG	1.668
4	SLS	1.198	MBS	965
5	PVI	1.121	VCS	796
6	VC7	1.015	TNG	322
7	PVB	884	PLC	265
8	VFS	717	IVS	158
9	L14	705	NVB	145
10	VGS	592	NTP	123

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	9/11/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	CP liên quan đầu vào	CP liên quan đầu ra
Oil WTI	USD/bbl.	75,74	0,54%	-6,09%	-12,05%	PVT	GAS, BSR
Oil Brent	USD/bbl.	80,01	0,59%	-5,82%	-8,78%	PVT	GAS, BSR
Thép thanh	CNY/MT	3854	1,42%	2,25%	6,70%		HPG
Nhôm	USD/MT	2232	-0,94%	0,93%	0,85%		
Đồng	USd/lb.	364,05	0,07%	-1,29%	0,00%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Than	USD/MT	123	0,41%	2,50%	-12,98%		
Đường	USd/lb.	27,78	2,09%	1,09%	2,21%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Ngô	USd/bu.	468	-1,68%	-1,83%	-3,50%		
Gas	USD/MMBtu	3,041	-2,09%	-14,00%	-10,62%		
Sữa	USD/cwt	17,12	-0,17%	-1,55%	1,42%	KDC	VNM, QNS
Vàng	USD/t oz.	1969,8	0,61%	-1,74%	4,76%		PNJ
Bạc	USD/t oz.	22,905	0,78%	-2,32%	3,61%		PNJ
Lúa Mỳ	USd/bu.	580,75	-1,94%	1,27%	3,80%		
Thịt lợn	USd/lb.	71,45	-0,07%	-2,49%	-12,84%		
Thép HRC	CNY/MT	3932	1,00%	1,89%	2,32%		HPG

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!